

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G – TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HS- ST
Ngày 31 tháng 01 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G- TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: **Ông Đinh Xuân T**

Các Hội thẩm:

Ông Nguyễn Mạnh D

Ông Hoàng Đăng Đ

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị H – Thư ký Tòa án Toà án nhân dân huyện G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn T- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án, Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2019/TLST- HS ngày 21/01/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST- HS ngày 21/01/2019, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đình Th, sinh năm 1971.

Nơi cư trú: Thôn D, xã G, huyện G, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đình T (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1944; Có vợ là: Đinh Thị Nh sinh năm: 1973 và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1995, con nhỏ nhất sinh năm 2003;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/11/2018 đến ngày 07/12/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

2. Trịnh Duy T, sinh năm 1966.

Nơi cư trú: Thôn D, xã G, huyện G, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 7/10; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trịnh Duy T, sinh năm 1940 và bà Lê Thị Đ (đã chết); Có vợ là: Nguyễn Thị Th1, sinh năm: 1966 và có 01 con, sinh năm 1990;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

+ Năm 1994 bị Tòa án nhân dân huyện G xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong bản án ngày 19/11/1995.

+ Năm 1996 bị Tòa án nhân dân huyện G xử phạt 15 tháng tù về tội “Tổ chức dùng chất ma túy”. Chấp hành xong bản án ngày 27/08/2007.

+ Năm 2005 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xử phạt 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Đã chấp hành xong bản án.

+ Năm 2014 bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 16 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Chấp hành xong bản án ngày 15/08/2015.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/11/2018 đến ngày 07/12/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

3. Lê Văn Đ, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Thôn A, xã L, huyện G, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn M, sinh năm 1948 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1955; Có vợ là: Đàm Thị T, sinh năm: 1987 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2015;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/11/2018 đến ngày 07/12/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

4. Nguyễn Đình V, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: Thôn D, xã G, huyện G, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đình V (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1950; Có vợ là: Nguyễn Thị H, sinh năm: 1977 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2002;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/11/2018 đến ngày 07/12/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

5. Nguyễn Đình H, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Thôn D, xã G, huyện G, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1955; Có vợ là: Nguyễn Thị H, sinh năm: 1985 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2010;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/11/2018 đến ngày 07/12/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ 30 phút, ngày 28/11/2018 tại gian nhà ngang nhà ở của Nguyễn Đình Th, tổ công tác Công an huyện G bắt quả tang 04 đối tượng có hành vi đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức chơi “Chắn”. Bắt giữ các đối tượng gồm: Trịnh Duy T, Nguyễn Đình V, Nguyễn Đình H, và Lê Văn Đ. Thu trên chiếu bạc số tiền 3.480.000 đồng, 01 bộ bài chắn, 01 đĩa sứ, 01 chiếu cói, các đối tượng khai nhận đây là tiền và công cụ mà các đối tượng sử dụng để đánh bạc, trong đó có 160.000 đồng là tiền các đối tượng bỏ ra để cho chủ nhà. Các đối tượng tự giác giao nộp gồm: Lê Văn Đ giao nộp 01 ví da, bên trong có 4.500.000 đồng, Trịnh Duy T giao nộp 01 ví da bên trong có 1.400.000 đồng, Nguyễn Đình V giao nộp 01 ví da bên trong có 3.020.000 đồng, Nguyễn Đình H giao nộp 1.100.000 đồng, các đối tượng khai nhận đây là tiền mà các đối tượng sẽ sử dụng để đánh bạc.

Tại Cơ quan điều tra, Th, T, V, H, Đ khai nhận hành vi đánh bạc của mình như sau: Khoảng 14 giờ ngày 28/11/2018, Nguyễn Đình Th đang ở nhà mình tại thôn D, G, G, Bắc Ninh thì có Trịnh Duy T, Nguyễn Đình V, Nguyễn Đình H và Lê Văn Đ đến nhà Th chơi. Ngồi uống nước được một lúc thì T, V, H và Đ rủ nhau đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh “chắn” và đề nghị Th cho chơi tại nhà Th. Th đồng ý và bảo T, V, H, Đ xuống gian nhà ngang nhà Th chơi. Th ngồi xem các đối tượng đánh bạc tại gian nhà ngang nhà mình một lúc thì lấy xe đi ăn cỗ. Khi chơi, các đối tượng quy định đánh bạc dưới hình thức đánh “Chắn”, mức độ sát phạt thấp nhất là 40.000 đồng và cao nhất là 140.000 đồng. Các đối tượng đánh bạc đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an bắt quả tang, thu giữ vật chứng như đã nêu trên. Ngày 29 tháng 11 năm 2018, sau khi đi ăn cỗ về và biết lực lượng Công an huyện G bắt giữ các đối tượng đánh bạc tại nhà mình, Th đã đến Công an huyện G xin đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Ngoài ra, các đối tượng khai nhận số tiền mang theo và tiền sử dụng để đánh bạc như sau:

Trịnh Duy T khai nhận: Khi tham gia đánh bạc T có 1.800.000 đồng, sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc. Đến khi bị bắt quả tang, T còn 1.400.000

đồng để trong 01 ví da và tự giác giao nộp cho cơ quan Điều tra. Quá trình chơi, T ù to được một ván và bỏ ra cho chủ nhà 20.000 đồng.

Lê Văn Đ khai nhận: Khi tham gia đánh bạc, Đ có 4.900.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền này vào mục đích đánh bạc, đến khi bị bắt quả tang Đ còn 4.500.000 đồng để trong ví da và đã tự giác giao nộp. Quá trình đánh bạc Đ ù to được một ván và bỏ ra cho chủ nhà 20.000 đồng.

Nguyễn Đình H khai nhận: Khi tham gia đánh bạc, H có 1.700.000 đồng và sử dụng toàn bộ vào mục đích đánh bạc. Đến khi bị bắt quả tang, H có 1.100.000 đồng cất giữ trong người và đã tự giác giao nộp. Quá trình đánh bạc H ù to được 1 đến 2 ván và bỏ ra cho chủ nhà 20.000 đồng.

Nguyễn Đình V khai nhận: Khi tham gia đánh bạc, V có 3.620.000 đồng và sử dụng toàn bộ để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang V còn 3.020.000 đồng cất giữ trong ví và tự giác giao nộp. Quá trình đánh bạc, V không ù to ván nào và không phải bỏ tiền cho chủ nhà.

Mặc dù các bị cáo khai nhận mang theo số tiền đi đánh bạc và sử dụng vào việc đánh bạc chưa phù hợp với số tiền mà cơ quan Điều tra đã thu giữ. Tuy nhiên, căn cứ vào biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, lời khai của các bị cáo có đủ cơ sở khẳng định số tiền các đối tượng sử dụng vào mục đích đánh bạc là 13.500.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 05/CT-VKSB ngày 21/01/2018 của VKSND huyện G, tỉnh Bắc Ninh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Đình Th, Trịnh Duy T, Lê Văn Đ, Nguyễn Đình V và Nguyễn Đình H về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Nguyễn Đình Th thừa nhận do nể nang và nhận thức, hiểu biết pháp luật hạn chế nên đã đồng ý cho các bị cáo khác đánh bạc tại nhà mình, bị cáo không thu tiền hồ của các con bạc và cũng không nhận được đồng tiền hồ nào. Bị cáo Trịnh Duy T thừa nhận đã sử dụng 1.800.000đ vào việc đánh bạc, bị cáo Lê Văn Đ thừa nhận đã sử dụng 4.900.000đ, Nguyễn Đình H thừa nhận sử dụng 1.700.000đ và Nguyễn Đình V thừa nhận sử dụng 3.620.000đ vào việc đánh bạc.

Đại diện VKSND huyện G thực hành quyền công tố tại phiên tòa công bố bản luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Luận tội và đề nghị HĐXX:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đình Th, Trịnh Duy T, Lê Văn Đ, Nguyễn Đình H và Nguyễn Đình V phạm tội “Đánh bạc”;

- **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Trịnh Duy T từ 07 đến 10 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/11/2018 đến ngày 07/12/2018. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Đình Th từ 07 đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 20 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- **Áp dụng:** Khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt Lê Văn Đ từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Phạt bổ sung bị cáo từ 10 đến 15 triệu đồng xung quỹ Nhà nước.

Xử phạt Nguyễn Đình V từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Phạt bổ sung bị cáo từ 10 đến 15 triệu đồng xung quỹ Nhà nước.

Xử phạt Nguyễn Đình H từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Phạt bổ sung bị cáo từ 10 đến 15 triệu đồng xung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu xung quỹ Nhà nước: số tiền 13.500.000đ.

Tịch thu tiêu hủy: 01 đĩa sừ, 01 chiếu cói, 01 bộ bài chắn; 01 ví màu vàng; 02 ví màu đen.

Sau khi nghe bản luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo không có ý kiến tranh luận và bào chữa mà thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản luận tội đã nêu.

Khi được trình bày lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời nhận tội của các bị cáo Nguyễn Đình Th, Trịnh Duy T, Lê Văn Đ, Nguyễn Đình V và Nguyễn Đình H phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, vật chứng đã được thu hồi và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thu thập hợp pháp cũng như diễn biến tại phiên tòa hôm nay. Do đó, đã có đủ cơ sở để xác định: Trong khoảng thời gian từ 14 giờ đến 15 giờ 30 phút ngày 28/11/2018, tại gian nhà ngang của Nguyễn Đình Th ở thôn D, xã G huyện G, tỉnh Bắc Ninh. Nguyễn Đình Th đã đồng ý để Trịnh Duy T, Nguyễn Đình H, Nguyễn Đình V và Lê Văn Đ đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh “Chắn” tại gian nhà ngang của nhà mình. Tổng số tiền các bị can sử dụng vào mục đích đánh bạc là 13.500.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Đình Th không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng đã tạo điều kiện cần thiết và đồng ý cho bốn khác tham gia đánh bạc tại nhà mình với tổng số tiền là 13.500.000đ, hành vi của Th chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc”. Do vậy, Th phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Đánh bạc” với vai trò đồng phạm giúp sức. Các bị cáo T Đ, V và H trực tiếp tham gia đánh bạc với tổng số tiền là 13.500.000 đồng. Do vậy cả năm bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Bắc Ninh truy tố Nguyễn Đình Th, Trịnh Duy T, Lê Văn Đ, Nguyễn Đình V và Nguyễn Đình H về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến khách thể được luật hình sự bảo vệ, đó là an toàn công cộng, trật tự công cộng. Đánh bạc là tệ nạn xã hội, gây mất trật tự trị an ở địa phương và hoạt động bình thường của xã hội. Hành vi của các bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, các bị cáo hiểu và biết được hậu quả của hành vi đánh bạc mà pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn vi phạm. Vì vậy, cần xử các bị cáo mức án nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo gây ra mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] *Xét vai trò, tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo, thấy rằng:*

Đây là vụ án có đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công, phân nhiệm và câu kết chặt chẽ với nhau trong quá trình phạm tội nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức.

Bị cáo Th không trực tiếp đánh bạc nhưng giữ vai trò giúp sức, tạo điều kiện cần thiết cho các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo T, Đ, V, H đều rủ nhau thực hiện tội phạm và đều là người thực hành tích cực, tham

gia chơi bạc từ đầu đến cuối. Xét số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc cũng như vai trò vị trí của từng bị cáo trong vụ án, HĐXX đánh giá Th, Đ và V giữ vai trò thứ nhất. Bị cáo T, H có số tiền tham gia đánh bạc thấp hơn các bị cáo khác nên giữ vai trò thứ 2.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS đối với các bị cáo, thấy rằng:

- *Về nhân thân:* Các bị cáo Th, Đ, H, V đều là những người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Bị cáo Trịnh Duy T là người có nhân thân xấu: Đã 04 lần bị xét xử về các tội “Trộm cắp tài sản” năm 1994; “Tổ chức dùng chất ma túy” năm 1996; “Mua bán trái phép chất ma túy” năm 2005 và tội “Đánh bạc” năm 2014. Cả bốn lần phạm tội này của bị cáo đều đã được xóa án, nhưng cần coi đây là nhân thân xấu, chứng tỏ ý thức coi thường pháp luật và khả năng khó giáo dục, cải tạo của T.

- *Về tình tiết tăng nặng TNHS:* Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Lê Văn Đ, Nguyễn Đình V, Nguyễn Đình H và Nguyễn Đình Th phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS.

Bị cáo Trịnh Duy T, Nguyễn Đình H và Nguyễn Đình Th có thời gian phục vụ trong quân đội; bị cáo Đ, T, V, Th đều có bố đẻ tham gia kháng chiến chống Mỹ và được Nhà nước khen thưởng; bị cáo Th sau khi phạm tội đã đến cơ quan công an đầu thú. Do vậy, cần cho cả 05 bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Xét các bị cáo Đ, V, H và Th có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh gia đình khó khăn, các con còn nhỏ, có nơi cư trú rõ ràng và có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của Bộ luật hình sự và hướng dẫn của HDTPTANDTC nên chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo cũng đủ để giáo dục cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với bị cáo T là người có nhân thân xấu, liên tục thực hiện hành vi phạm tội trong khoảng thời gian dài, điều đó thể hiện T là người có ý thức coi thường pháp luật và khả năng khó giáo dục, cải tạo. Do vậy cần xử T mức án

cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[7] **Về hình phạt bổ sung:** Để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo V, Đ, H là phù hợp với Khoản 3 Điều 321BLHS. Bị cáo T có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, bị cáo Th phạm tội do cả nể, không nhằm mục đích vụ lợi nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với T và Th là phù hợp.

[8] **Về vật chứng của vụ án:**

Đối với 01 bộ bài chắn, 01 đĩa sứ, 01 chiếu cói, thu trên chiếu bạc là công cụ phương tiện phạm tội, xét giá trị sử dụng không đáng kể nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 13.500.000 đồng các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu xung quỹ Nhà nước.

Đối với 03 chiếc ví da thu của T, Đ và V, tại phiên tòa các bị cáo không yêu cầu nhận lại, xét giá trị sử dụng không đáng kể nên cần tịch thu tiêu hủy.

[10] **Về án phí:** Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Trịnh Duy T, Lê Văn Đ, Nguyễn Đình V, Nguyễn Đình Th và Nguyễn Đình H phạm tội “Đánh bạc”;

- **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Trịnh Duy T 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ đi thời gian đã tạm giữ từ ngày 28/11/2018 đến ngày 07/12/2018.

Áp dụng Điều 123 Bộ luật tố tụng hình sự: Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Trịnh Duy T từ khi tuyên án cho đến thời điểm bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

- **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Đình Th 08 (Tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (Mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- **Áp dụng:** Khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Lê Văn Đ 08 (Tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (Mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ xung quỹ Nhà nước.

Xử phạt Nguyễn Đình V 08 (Tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (Mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ xung quỹ Nhà nước xung quỹ Nhà nước.

Xử phạt Nguyễn Đình H 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ xung quỹ Nhà nước.

Giao các bị cáo Nguyễn Đình Th, Nguyễn Đình V và Nguyễn Đình H cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo Lê Văn Đ cho UBND xã L, huyện G, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu xung quỹ Nhà nước: Số tiền 13.500.000đ.

Tịch thu tiêu hủy: 03 ví (Ví màu vàng ký hiệu 1 thu của T, ví màu đen ký hiệu 2 thu của Đ, ví màu đen ký hiệu 3 thu của V); 01 đĩa sù; 01 chiếc còi và 01 bộ bài chắn.

Toàn bộ vật chứng nêu trên được mô tả theo đúng như biên bản giao nhận vật chứng vụ án hình sự ngày 23/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Nguyễn Đình Th, Trịnh Duy T, Lê Văn Đ, Nguyễn Đình V và Nguyễn Đình H mỗi người phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THA huyện G (HLPL);
- Các bị cáo;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán -Chủ tọa phiên toà

Đinh Xuân T